

Bản án số 29/2019/HNGĐ- ST

Ngày 25/4/2019

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn giữa chị Ngọc và anh B.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái;

2. Ông Từ Minh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Công Định- Cán E Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa: Ông Thân Mạnh Thắng- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 3 và 25 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 334/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 07 năm 2018 về việc: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn giữa chị Ngọc và anh B* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2019/QĐXX- ST ngày 25 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị N, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Y, xã X, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Y, xã X, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn Y, xã X, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

2. Bà Vũ Thị T, sinh năm 1967

Ủy quyền cho chị Nguyễn Thị E, sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn G, xã X, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị N trình bày: Chị Ngọc kết hôn với anh Nguyễn Văn B ngày 24/11/2008, trước khi kết hôn chị và anh B có thời gian tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã X. Sau khi kết hôn chị về làm dâu nhà anh B ngay. Chị và anh B ở chung với bố mẹ chồng đến tháng 03/2009 thì ra ở riêng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Từ

năm 2013, sau khi xây nhà xong, mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do anh B thường xuyên rượu chè, cờ bạc, có hành vi bạo lực gia đình với chị. Mâu thuẫn vợ chồng chị đã được hai bên gia đình động viên khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị ở 04 lần, những lần trước được hai gia đình khuyên bảo chị có về chung sống cùng anh B. Lần cuối là tháng 05/2018 chị về ở hẳn cùng bố mẹ đẻ chị. Anh B có xuống đón chị về đoàn tụ gia đình, nhưng chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ gia đình được nữa nên chị không về. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh B sinh được 02 con chung là Nguyễn Hồng Nhung, sinh ngày 22/11/2009 và Nguyễn Thị Bình, sinh ngày 10/7/2013. Cháu Bình đang ở cùng với chị, cháu Nhung đang ở với anh B. Ly hôn chị đề nghị tiếp tục được nuôi cháu Bình, anh B nuôi cháu Nhung. Cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Năm 2009 vợ chồng chị ra ở riêng tại quán sát gạo của bố mẹ chồng. Năm 2013 được sự đồng ý của bố mẹ chồng, vợ chồng chị đã phá bỏ quán sát gạo để xây nhà mới 01 tầng, kiểu nhà vườn, diện tích khoảng 80m². Tiền bỏ ra xây nhà là tiền chung của hai vợ chồng chị, bao gồm 05 chỉ vàng bố mẹ đẻ chị cho khi cưới, 20.000.000 đồng bố mẹ đẻ chị cho, 30.000.000 đồng bố mẹ chồng chị cho, còn lại là tiền tích góp của hai vợ chồng. Hiện ngôi nhà anh B đang quản lý, sử dụng. Ngoài ra, vợ chồng chị còn mua sắm được các tài sản sau: 01 xe máy nhãn hiệu HONDA Wave alpha màu đỏ đen mua năm 2017 đăng ký tên Nguyễn Văn B; 01 máy giặt hiệu LG 7.5kg mua năm 2017; 01 tủ lạnh TOSIBA mua năm 2017. Các tài sản này anh B đang quản lý, sử dụng; 01 xe máy nhãn hiệu DREAM do Trung Quốc sản xuất mua năm 2012, hiện chị đang quản lý, sử dụng. Tổng giá trị tài sản khoảng 236.000.000 đồng. Toàn E tài sản trên là tài sản riêng của hai vợ chồng chị, không liên quan gì tới bố mẹ chồng chị. Ly hôn chị đề nghị chia đôi tài sản trên, chị và anh B mỗi người một nửa.

Về công nợ, ruộng canh tác: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày: Về thời điểm, điều kiện kết hôn như chị Ngọc trình là đúng. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn tình cảm vợ chồng không phải như chị Ngọc trình bày, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng về quan điểm sống. Nay chị Ngọc xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Nguyễn Hồng Nhung, sinh ngày 22/11/2009 và Nguyễn Thị Bình, sinh ngày 10/7/2013. Cháu Nhung đang ở với anh, cháu Bình ở với chị Ngọc. Tại phiên tòa, anh đề nghị được nuôi cả hai con. Anh không yêu cầu chị Ngọc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Năm 2013 bố mẹ anh có xây nhà mới liền nhà cũ, còn nhà cũ bố mẹ anh để làm kho chứa đồ. Ngôi nhà mới xây do bố mẹ anh đứng ra xây, đưa tiền cho anh đi mua nguyên vật liệu, trả tiền công thợ. Vợ chồng anh không có đóng góp gì. Khi xây nhà xong vợ chồng, các con anh và bố mẹ anh ở cùng tại ngôi nhà mới này. Chiếc xe máy Honda Wave alpha màu đỏ đen anh đang sử dụng, đăng ký tên anh do bố mẹ anh cho riêng anh, không liên quan gì tới chị Ngọc; chiếc xe máy Dream do Trung Quốc sản xuất do bố mẹ anh mua

cho anh từ người khác, chưa sang tên chính chủ, anh tạm giao cho chị Ngọc làm phương tiện đi lại. Những vật dụng trong gia đình anh đang sử dụng như tủ lạnh, máy giặt là do bố mẹ anh đưa tiền cho em gái anh là chị E mua hộ, vợ chồng anh không có tài sản chung nào.

Về công nợ, ruộng canh tác: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn C trình bày: Ông là bố đẻ của anh Nguyễn Văn B. Sau khi chị Ngọc lấy anh B, chị Ngọc về nhà ông làm dâu ngay. Khi đó gia đình ông gồm có: Ông (C), vợ ông là bà Vũ Thị T, anh B, con gái ông là chị Nguyễn Thị E và vợ chồng anh B, chị Ngọc ăn ở, sinh hoạt chung. Năm 2013, ông xây thêm 01 ngôi nhà mới 01 tầng trên diện tích đất gia đình ông đã được UBND huyện Lục Nam cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/12/2001 số U948679, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02246/QSĐĐ/QĐ1062QĐ/CT(H), nền quán sát gao gia đình ông vẫn để nguyên. Hiện nay ông đã phá bỏ quán sát gao này. Ngôi nhà cũ ông để làm nhà kho chứa đồ. Ông là người bỏ tiền ra xây, cụ thể: Ông đưa tiền cho anh B đi mua sắm vật liệu, trả công thợ. Các vật dụng trong gia đình ông đưa tiền cho con gái ông là chị Nguyễn Thị E mua hộ ông. Khi mua con gái ông không lấy hóa đơn. Sau khi xây nhà xong cả gia đình ông dọn lên nhà mới ở. Cây cối lâm lộc trên đất là do ông trồng và thu hoạch, vợ chồng anh B không trồng cây nào trên đất của gia đình ông. Trong thời gian ông xây nhà chị Ngọc, anh B chưa mâu thuẫn, chị Ngọc chưa bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, chỉ sau khi vợ chồng ông xây nhà xong vợ chồng anh B, chị Ngọc mới phát sinh mâu thuẫn, chị Ngọc đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở 04 lần. Những lần chị Ngọc bỏ về nhà bố mẹ ở, ông và gia đình có gọi chị Ngọc về nhưng đến lần thứ 04 thì gia đình ông không gọi về nữa. Vì vậy, nay chị Ngọc yêu cầu chia tài sản chung gồm: 01 ngôi nhà 01 tầng diện tích 80m² xây dựng năm 2013; 01 xe máy nhãn hiệu HONDA Wave alpha màu đỏ đen mua năm 2017 đăng ký tên Nguyễn Văn B, anh B đang quản lý, sử dụng; 01 máy giặt hiệu LG 7.5kg mua năm 2017; 01 tủ lạnh TOSIBA mua năm 2017; 01 xe máy nhãn hiệu DREAM do Trung Quốc sản xuất mua năm 2012 chị Ngọc đang quản lý, sử dụng, ông không đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, bà Vũ Thị T ủy quyền cho chị Nguyễn Thị E xác định những tài sản trên là của ông C, bà T, không liên quan tới chị E và nhất trí lời khai của anh B, ông C, không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của E luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử. Xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Ngọc, anh B.

+ Về con chung: Giao cho chị Ngọc nuôi cháu Nguyễn Thị Bình, anh B nuôi cháu Nguyễn Hồng Nhung; cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung: Chị Dương Thị N được hưởng ½ tổng số giá trị tài sản trên, vì đó là tài sản chung của chị Ngọc, anh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị N kết hôn với anh Nguyễn Văn B trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Lục Nam số 111 ngày 09/12/2008 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ban đầu vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc, sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị Ngọc, anh B sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Ngọc, anh B đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và nhất trí thuận tình ly hôn. Thỏa của chị Ngọc, anh B phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2]. Về con chung: Vợ chồng chị Ngọc, anh B có 02 con chung là Nguyễn Hồng Nhung, sinh ngày 22/11/2009 và Nguyễn Thị Bình, sinh ngày 10/7/2013, hiện nay cháu Bình đang ở cùng với chị Ngọc, cháu Nhung đang ở với anh B, ly hôn chị Ngọc đề nghị được nuôi một con là cháu Bình, anh B đề nghị được nuôi cả 02 con. Để tránh xáo trộn cuộc sống, ảnh hưởng đến tâm sinh lý của các con nên giao cho chị Ngọc tiếp tục nuôi cháu Bình, anh B tiếp tục nuôi cháu Nhung là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về tài sản chung: Căn cứ vào các biên bản xác minh, tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, quá trình tố tụng, Hội đồng xét xử xác định: Năm 2008 chị Ngọc và anh B kết hôn, sau khi kết hôn chị Ngọc, anh B ở chung với vợ chồng ông C, bà T đến năm 2009 thì ra ở riêng tại quán sát gạo. Quá trình chung sống cùng nhau, chị Ngọc, anh B đã tạo dựng, phát triển được những tài sản chung gồm:

- + 01 xe máy nhãn hiệu DREAM do Trung Quốc sản xuất, biển kiểm soát 98L4-1180, trị giá 1.500.000 đồng.

- + 01 xe máy nhãn hiệu HONDA Wave alpha (RSX)màu đỏ đen, biển kiểm soát 98F1- 11964, số khung 108557, số máy 0394417, đăng ký tên Nguyễn Văn B trị giá 9.900.000 đồng;

- + 01 máy giặt hiệu LG 7.5kg, trị giá 6.500.000 đồng;

- + 01 tủ lạnh TOSIBA 171 lít, trị giá 2.000.000 đồng;

- + 01 nhà ở 01 tầng, cấp 3 loại 3, diện tích 74,9m², trị 141.463.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản chị Ngọc, anh B tạo dựng, phát triển được là 161.363.000 đ (Một trăm sáu mươi một triệu ba trăm sáu mươi ba nghìn đồng).

Ông C, bà T, anh B xác định toàn E tài sản trên là của ông C, bà T nhưng không có căn cứ để chấp nhận. Nên chị Ngọc yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng là phù hợp với Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Xét về công sức đóng góp vào khối tài sản chung, Hội đồng xét xử xác định tài sản đang tranh chấp là tài sản thuộc sở hữu chung hợp nhất, không xác định được phần đóng góp của mỗi người, nên chia cho chị Dương Thị N, anh Nguyễn Văn B mỗi người được hưởng ½ trị giá tài sản, cụ thể:

- + Chị Dương Thị N đang quản lý, sử dụng 01 xe máy nhãn hiệu DREAM do Trung Quốc sản xuất, biển kiểm soát 98L4-1180, trị giá 1.500.000 đồng nên giao chị Ngọc tiếp tục sở hữu.

+ Anh Nguyễn Văn B đang quản lý, sử dụng: 01 xe máy nhãn hiệu HONDA Wave alpha (RSX) màu đỏ đen, biển kiểm soát 98F1- 11964, số khung 108557, số máy 0394417, đăng ký tên Nguyễn Văn B; 01 máy giặt hiệu LG 7.5kg; 01 tủ lạnh TOSIBA 171 lít nên giao cho anh B tiếp tục sở hữu. Tổng trị giá của các tài sản trên là 18.400.000 đồng; 01 nhà ở 01 tầng, cấp 3 loại 3, diện tích 74,9m². Do ngôi nhà xây dựng trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn C số U948679, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02246/QSĐĐ/QĐ1062QĐ/CT(H) do UBND huyện Lục Nam ngày 27/12/2001, tờ bản đồ số 34 tại thôn Y, xã X, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang, nên giao ngôi nhà cho ông Nguyễn Văn C, bà Vũ T sở hữu là phù hợp. Ông C, bà T phải trả tiền cho chị Ngọc, anh B tương đương giá trị ngôi nhà là 141.463.000 đồng.

[5]. Tài sản giao cho chị Dương Thị N sở hữu trị giá 1.500.000 đồng; các tài sản giao cho anh Nguyễn Văn B sở hữu trị giá 18.400.000 đồng; giao cho ông C, bà T sở hữu trị giá 141.463.000 đồng nên buộc ông Nguyễn Văn C, bà Vũ Thị T phải trả cho anh Nguyễn Văn B 62.281.500 đồng, trả cho chị Dương Thị N 79.181.500 đồng. Tổng giá trị tài sản chị Ngọc, anh B mỗi người được hưởng là 80.681.500 đồng (Tám mươi triệu sáu trăm tám mươi một nghìn năm trăm đồng).

[6]. Về nghĩa vụ chung đối với tài sản, ruộng canh tác: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7]. Về chi phí tố tụng: Chị Dương Thị N, anh Nguyễn Văn B phải chịu 3.000.000đ tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản chị Ngọc đã nộp. Trong đó, chị Ngọc phải chịu 15.000.000 đồng. Anh Nguyễn Văn B phải hoàn trả cho chị Ngọc 15.000.000 đồng.

[8]. Về án phí: Chị Dương Thị N và anh Nguyễn Văn B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật tương đương với phần giá trị tài sản mình được hưởng.

[9]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 55, 59, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Điều 147, 227, 228, 271, 273 của E luật tố tụng dân sự. Điều 24; khoản 1 Điều 25; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Dương Thị N và anh Nguyễn Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Bình, sinh ngày 10/7/2013 cho chị Dương Thị N tiếp tục nuôi dưỡng. Giao cháu Nguyễn Hồng Nhung, sinh ngày 22/11/2009 cho anh Nguyễn Văn B tiếp tục nuôi dưỡng. Cấp dưỡng nuôi con chung không đặt ra giải quyết. Sau ly hôn chị Ngọc, anh B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Ngọc, anh B thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung:

- Giao cho anh Nguyễn Văn B sở hữu 01 xe máy nhãn hiệu HONDA Wave alpha (RSX) màu đỏ đen, biển kiểm soát 98F1- 11964, số khung 108557, số máy 0394417, đăng ký tên Nguyễn Văn B; 01 máy giặt hiệu LG 7.5kg, 01 tủ lạnh TOSIBA 171 lít. Trị giá tài sản là 18.4000 đồng (Mười tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Giao cho chị Dương Thị N sở hữu 01 xe máy nhãn hiệu Dream do Trung Quốc sản xuất, BKS 98L4-1180, trị giá 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

- Giao cho ông Nguyễn Văn C, bà Vũ Thị T sở hữu 01 ngôi nhà ở 01 tầng, cấp 3 loại 3, diện tích 74,9m² xây dựng trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn C số U948679, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02246/QSĐĐ/QĐ1062QĐ/CT(H) do UBND huyện Lục Nam cấp ngày 27/12/2001, tờ bản đồ số 34 tại thôn Y, xã X, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

Ông Nguyễn Văn C phải trả cho chị Dương Thị N 79.181.500 đồng (Bảy mươi chín triệu một trăm tám mươi một nghìn năm trăm đồng); trả cho anh Nguyễn Văn B 62.281.500 đồng (Sáu mươi hai triệu hai trăm tám mươi một nghìn năm trăm đồng).

4. Về chi phí tố tụng: Chị Dương Thị N, anh Nguyễn Văn B phải chịu 3.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng chị Ngọc đã nộp. Trong đó, chị Ngọc phải chịu 1.500.000 đồng. Anh Nguyễn Văn B phải hoàn trả cho chị Ngọc 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng).

5. Án phí: Chị Dương Thị N phải chịu 4.034.075 đồng (Bốn triệu không trăm ba mươi tư nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng) án phí chia tài sản, nhưng được khấu trừ vào số tiền 5.900.000 đồng chị Ngọc đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003347 ngày 25/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam. Hoàn trả chị Ngọc số tiền 1.865.925 đồng.

Anh Nguyễn Văn B phải chịu 4.034.075 đồng (Bốn triệu không trăm ba mươi tư nghìn, không trăm bảy mươi lăm đồng) án phí chia tài sản.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 E luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành án tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị C chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

6. Về kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Ủy ban nhân xã X;
- Lưu hồ sơ, v/p.

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân